

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 125 /2018/DS-PT

Ngày 16 - 03 - 2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Xuân Long.
Ông Lê Thanh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLPT-DS ngày 08/01/2018 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân thị xã C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2018/QĐ-PT ngày 06/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1977 (có mặt);
Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

- Bị đơn: Lê Văn Q, sinh năm 1967 (có mặt);
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1970 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: ấp A, xã T, thị xã C, Tiền Giang.

3. NLQ3, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: ấp A, xã T, thị xã C, Tiền Giang.

- Người kháng cáo: bị đơn Lê Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ngày 23/9/2015, ông Q có lập hợp đồng vay của ông số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, kể từ ngày 23/9/2015 đến ngày 23/12/2015, lãi suất thỏa thuận 1,125%/tháng, trả lãi vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, hợp đồng có công chứng tại Văn phòng Công chứng C.

Cùng ngày ông giao số tiền 100.000.000 đồng, có lập biên bản nhận tiền, có chữ ký của ông Q và NLQ1. Ông Q có trả lãi suất với số tiền 19.000.000 đồng khi thực hiện hợp đồng. Hết hạn ông Q không trả vốn gốc, mặc dù ông nhắc nhở nhiều lần. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Q trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày 23/9/2015 đến ngày 23/25/2017 theo mức lãi suất 1,125%/tháng là 22.500.000 đồng, có căn trừ 19.000.000 đồng tiền lãi suất đã trả; yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Lê Văn Q trình bày:

Theo sự giới thiệu của ông NLQ2, ngày 23/9/2015 ông có lập hợp đồng vay tiền của ông Th số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, kể từ ngày 23/9/2015 đến ngày 23/12/2015, lãi suất thỏa thuận 1,125%/tháng, trả lãi vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, hợp đồng có công chứng tại Văn phòng Công chứng C.

Ông đã nhận số tiền 100.000.000 đồng và có giao lại ông Th 5.000.000 đồng tiền lệ phí công chứng. Do ông làm ăn thất bại, ông Th và NLQ2 yêu cầu ông trả lại tiền vay, nên ngày 11/10/2015 ông có trả 14.000.000 đồng. Thấy ông không có khả năng thanh toán nên NLQ2 buộc ông phải chuyển nhượng đất để căn trừ nợ vay, nhưng do đất không chuyển nhượng được nên hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đất và thực hiện tiếp hợp đồng vay. Ông Th yêu cầu ông trả nợ qua NLQ2 và bà NLQ3 nên ông có trả nợ các lần như sau:

- + Ngày 16/9/2016 trả 10.000.000 đồng do NLQ3 nhận.
- + Ngày 12/11/2016 trả 5.000.000 đồng do NLQ3 nhận.
- + Ngày 20/12/2016 trả trực tiếp ông Th 5.000.000 đồng.
- + Ngày 30/01/2017 trả 5.000.000 đồng do NLQ2 nhận.
- + Ngày 09/5/2017 trả 5.000.000 đồng do NLQ2 nhận.

Như vậy ông đã trả cho ông Th số tiền 51.000.000 đồng tiền gốc. Ông đồng ý trả cho ông Th 49.000.000 đồng tiền gốc còn lại và tiền lãi từ ngày 09/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị ông NLQ2 trình bày: Ông và NLQ3 có nhận tiền của ông Q, nhưng số tiền đó không liên quan đến số tiền vay giữa ông Q và ông Th. Bởi vì, vào ngày 04/12/2015 ông Q và gia đình của ông Q có bán cho ông 4,5m đất với giá thỏa thuận là

25.000.000 đồng/mét, tổng giá trị là 112.000.000 đồng. Hai bên có đo đạc và cắm cọc ranh, nhưng do đất bị cơ quan thi hành án phong tỏa nên không chuyển nhượng được, ông Q có hứa trả dần số tiền chuyển nhượng đất đã nhận và đã trả được nhiều lần tổng cộng số tiền 32.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả xong. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp giữa ông Th và ông Q theo đúng quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ3 trình bày: Bà thống nhất nội dung trình bày của NLQ2. Những nội dung trong biên nhận nhận tiền mà vợ chồng bà ký tên là những biên nhận tiền do ông Q trả lại trong hợp đồng mua bán đất không thành, những nội dung khác do ông Th ký nhận thì vợ chồng bà không biết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ Tòa án.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân thị xã C đã căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 688 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; Điều 474 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Văn Th và ông Lê Văn Q như sau: Ông Lê Văn Q trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng theo phương thức và thời hạn như sau:

Ngày 15/01/2018 trả 40.000.000 đồng.

Ngày 15/3/2018 trả 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn Q chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn Q tự nguyện chịu 5.000.000 đồng án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 3.062.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (biên lai thu số 0000855 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang).

* Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Ngày 05/12/2017, ông Lê Văn Q có đơn kháng cáo xin được trả một lần số tiền 100.000.000 đồng còn nợ ông Nguyễn Văn Th vào ngày 30/6/2018 và xin Tòa án xem xét cho ông được giảm tiền án phí.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q đồng ý việc trả nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận giữa ông và ông Th tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng hiện nay do bệnh

mới hết, nên chưa thực hiện được nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng làm 02 lần như án sơ thẩm đã tuyên, nên đề nghị hội đồng xét xử và anh Th xem xét cho kéo dài thời gian trả số nợ trên vào 02 lần so với thỏa thuận tại cấp sơ thẩm như sau: trả lần thứ nhất vào ngày 30/6/2018 trả 50.000.000 đồng; trả lần thứ hai vào ngày 30/7/2018, thay vì như nội dung đơn kháng cáo xin trả một lần vào ngày 30/6/2018.

- Nguyên đơn Nguyễn Văn Th đồng ý với ý kiến của bị đơn Lê Văn Q, cho ông Q kéo dài thời gian trả nợ cho ông như lời trình bày của ông Q tại phiên tòa phúc thẩm làm hai lần: trả lần thứ nhất vào ngày 30/6/2018 trả 50.000.000 đồng; trả lần thứ hai vào ngày 30/7/2018, thay vì như nội dung đơn kháng cáo xin trả một lần vào ngày 30/6/2018

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về kéo dài thời gian trả nợ cho nguyên đơn, việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận và sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 vắng mặt, NLQ2, NLQ3 (xin vắng mặt). Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thống nhất và tự thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ vay, phương thức, thời gian thanh toán nợ giữa các bên đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo xin thay đổi thời gian, mức trả nợ cho nguyên đơn và miễn giảm án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về thời gian trả nợ, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn thay đổi thời gian trả nợ so với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, tổng số nợ gốc 100.000.000 đồng cụ thể như sau: trả lần thứ nhất vào ngày 30/6/2018 trả 50.000.000 đồng; trả lần thứ hai vào ngày 30/7/2018 trả 50.000.000 đồng, thay vì như nội dung đơn kháng cáo xin trả một lần vào ngày 30/6/2018. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự trong việc giải quyết hợp đồng vay

tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn, việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

- Về việc xin giảm tiền án phí, với lý do “gia đình khó khăn, bản thân bị đơn bị bệnh đang điều trị, con chưa có việc làm, vợ đi làm thuê, trong đơn có xác nhận của địa phương hộ gặp khó khăn”. Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án “Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp”. Tuy nhiên theo đơn trình bày của bị đơn thì bị đơn không thuộc trường hợp được miễn, được giảm theo quy định của pháp luật vì trường hợp ông không thuộc trường hợp bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp, vì theo ông hiện ông có nhà và đất đang ở giá trị khoảng 300.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông về xin giảm án phí, nên ông phải chịu án phí theo quy định mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa án sơ thẩm, xem như kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần, do đó bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[4] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Q, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 296, khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Q.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 21/11/2017 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Văn Th và ông Lê Văn Q như sau: Ông Lê Văn Q trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng theo phương thức và thời hạn như sau:

- Ngày 30/6/2018 trả 50.000.000 đồng.
- Ngày 30/7/2018 trả 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn Q chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn Q tự nguyện chịu 5.000.000 đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 3.062.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (biên lai thu số 0000855 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang).

- Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn Q không phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nên được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001254 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thị xã C;
 - THADS thị xã C;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.
- DSPT-2018-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp